

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/5/2024

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Hồng Gái**

Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký
TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2024 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị G**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Phan Việt C**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày như sau:**

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C tự tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy ngày 28/9/2006. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm

2023 thì giữa chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Trần Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Phan Việt C.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Trần Thị G và anh Phan Việt C có hai người con chung tên Phan Thị Như K, sinh ngày 17/12/2006 và Phan Thị Như N, sinh ngày 17/12/2006. Các con muốn theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của bị đơn anh Phan Việt C*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Phan Việt C vẫn vắng mặt. Do đó, không có lời khai của anh Phan Việt C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Trần Thị G thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phan Việt C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2006. Quá trình chung sống giữa chị Trần Thị G và anh Phan Việt C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị Trần Thị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Việt C.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị G Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị G và anh Phan Việt C không còn khả năng đoàn tụ vì theo chị Trần Thị G trình bày thì giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh C để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do và không có lời khai của anh C. Điều đó chứng tỏ anh C không có thiện chí làm việc, gặp gỡ nguyên đơn, không có giải pháp hợp lý nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ; trong khi đó Chị G xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh C và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa Chị G và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho Chị G và anh C theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3.2] *Về con chung*: Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C có hai người con chung tên Phan Thị Như K, sinh ngày 17/12/2006 và Phan Thị Như N, sinh ngày 17/12/2006. Chị G cho rằng các con muốn theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 15/3/2024 cháu K trình bày có nguyện vọng được sống cùng mẹ (Chị G) và cháu N có nguyện vọng được sống cùng cha (anh C) khi cha mẹ ly hôn. Điều này cũng được Chị G chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao con chung tên Phan Thị Như K cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Phan Thị Như N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3.] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét.

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3.5] *Về nợ chung*: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G về việc xin ly hôn với anh Phan Việt C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G được ly hôn với anh Phan Việt C.

2/ Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phan Thị Như K, sinh ngày 17/12/2006 cho chị Trần Thị G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung tên Phan Thị Như N, sinh ngày 17/12/2006 cho anh Phan Việt C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C đều có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị G và anh Phan Việt C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004170, ngày 22/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Trần Thị G không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Trần Thị G và anh Phan Việt C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

tòa

Đinh Thị Phương Lan Nguyễn Văn Đoạt

Cao Quốc Chiến

